



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thương mại Hà Tây

Ngày 31/12/2025	1,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	14.3%	0%

DT thuần Q4/25
1.95
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.19 -9.1%
YoY: ▲ 0.56 40.0%

LN thuần Q4/25
-1.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.29 -18.3%
YoY: ▼0.89 -90.7%

LN sau thuế Q4/25
0.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.06 100%
YoY: ▲ 1.19 101%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
-20.4%
YoY: +/-▲ 108%

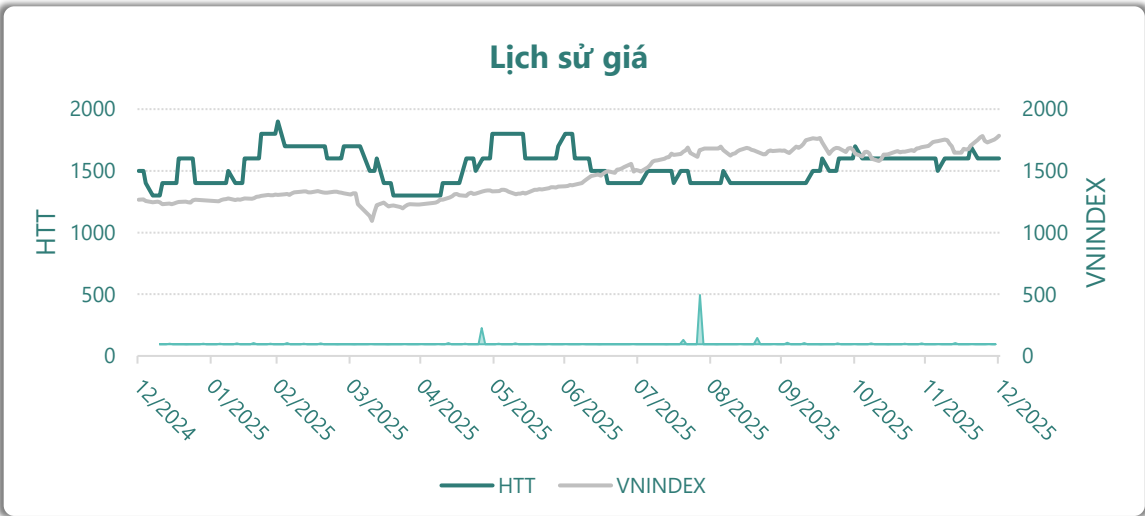
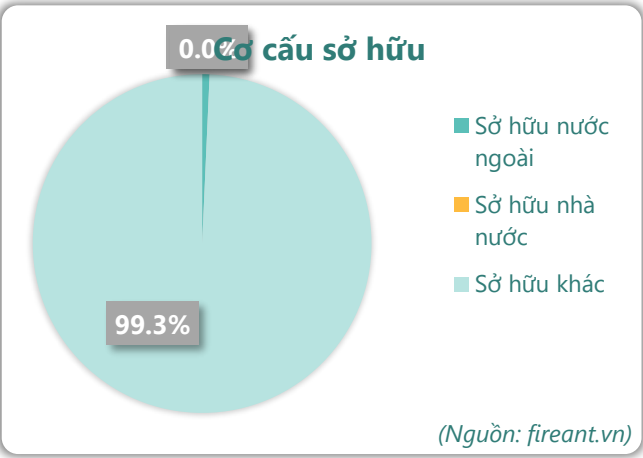
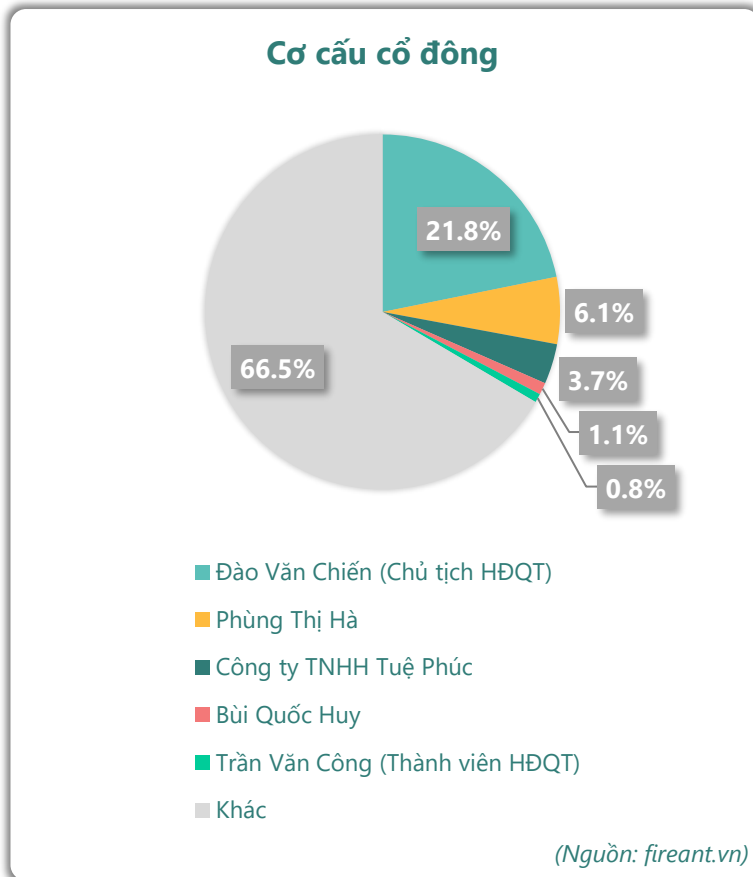
ROE 2025
-5.3%
YoY: +/-▲ 2.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,300 - 1,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	32
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,460
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.49
EPS	-296
P/E	-5.4

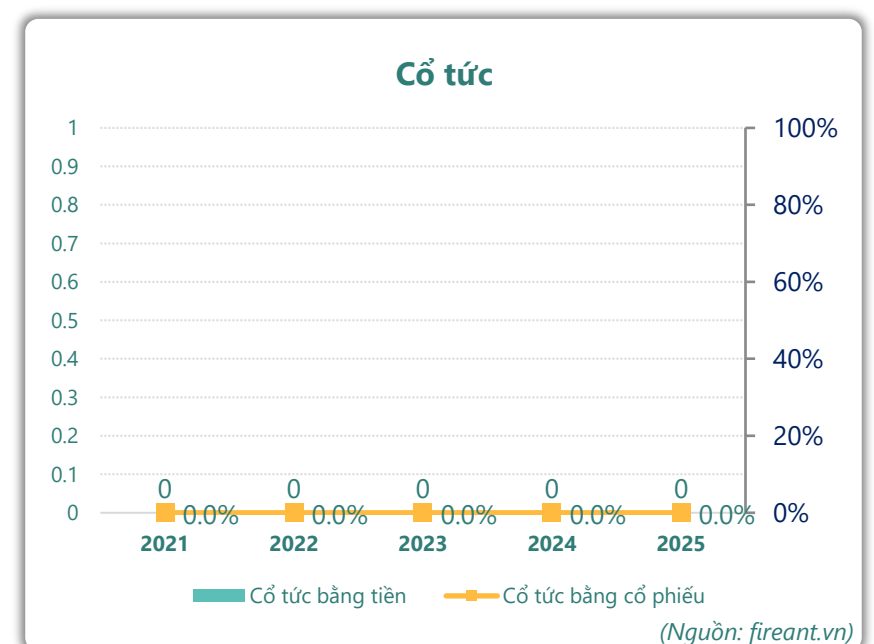
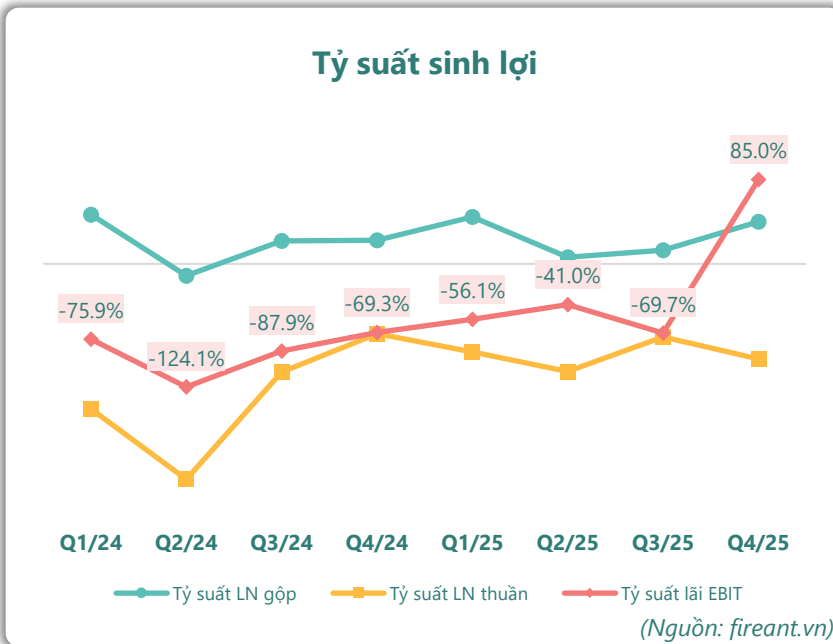
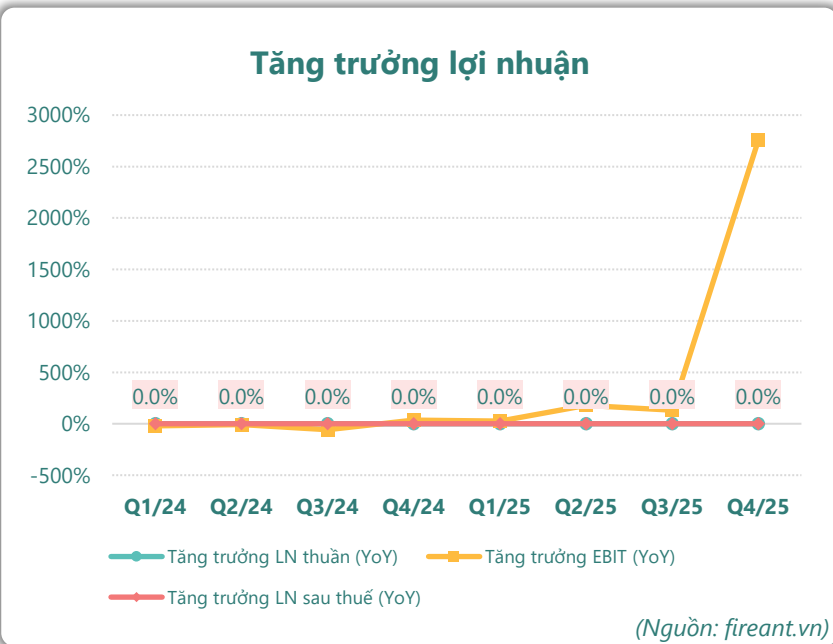
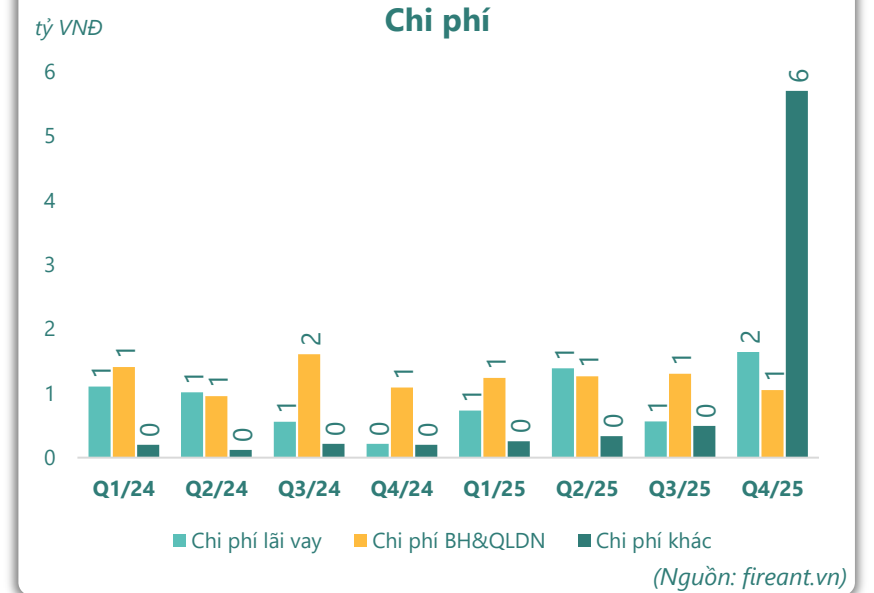
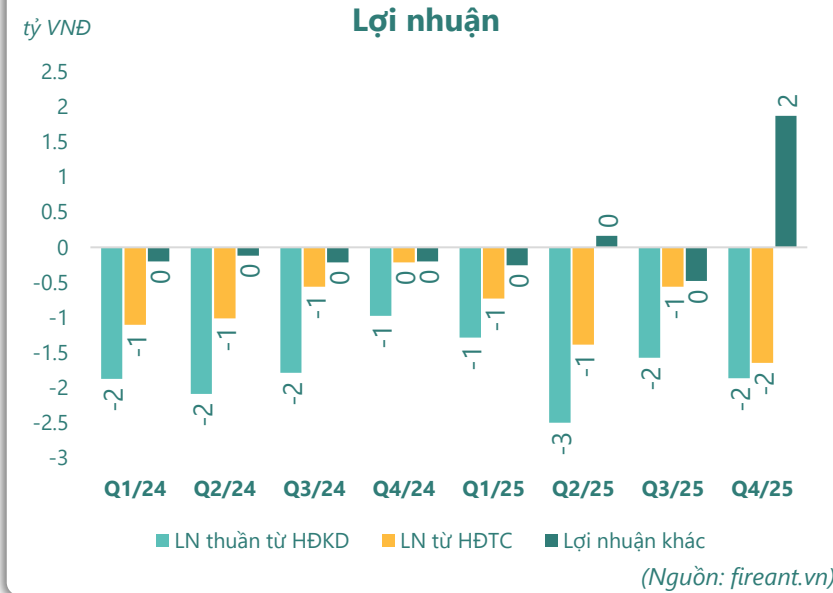
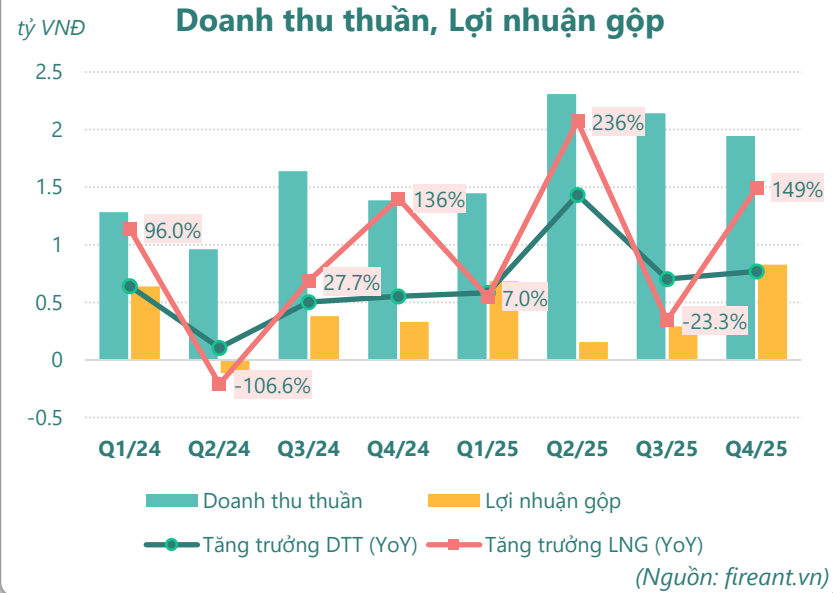
DT thuần 2025
7.84
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.74 53.8%

LN thuần 2025
-7.23
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.06 22.1%

LN sau thuế 2025
-5.93
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.65 38.2%



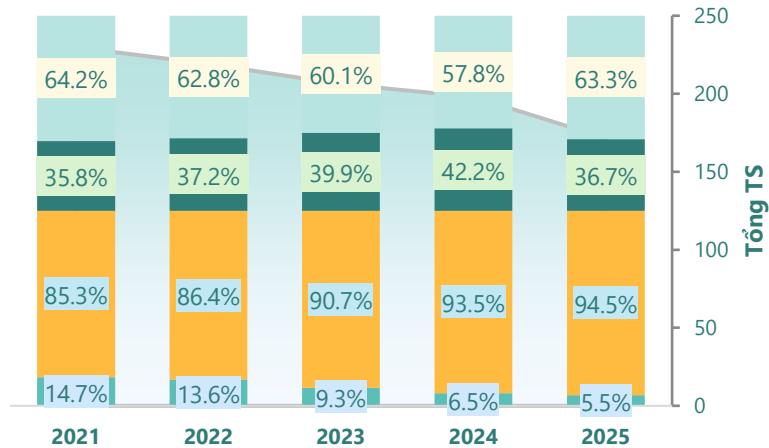
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

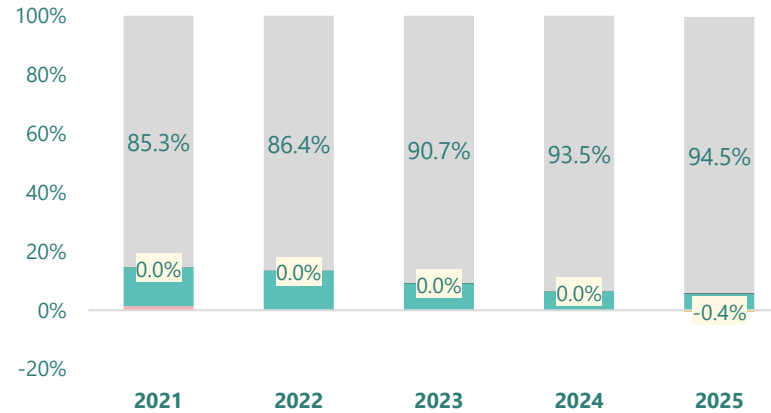
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

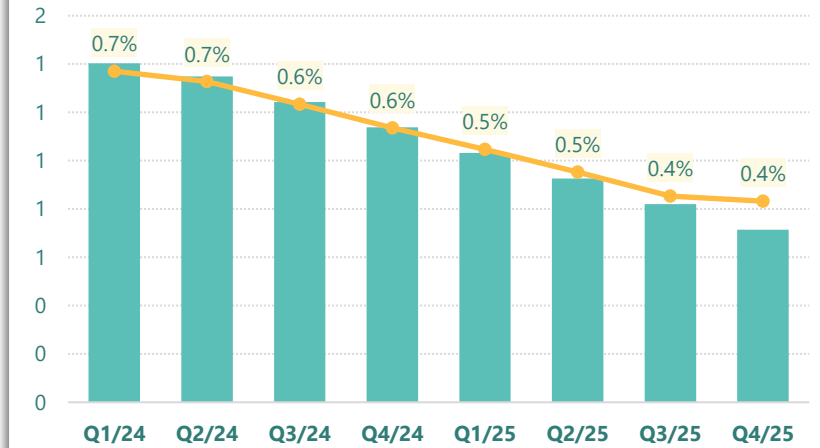


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

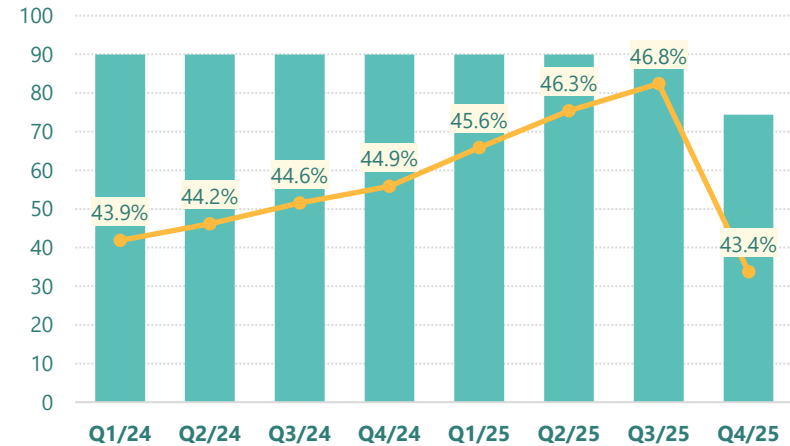


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

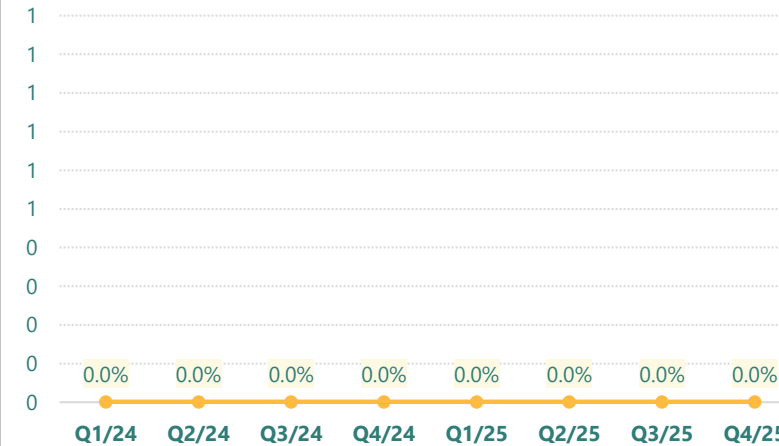


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

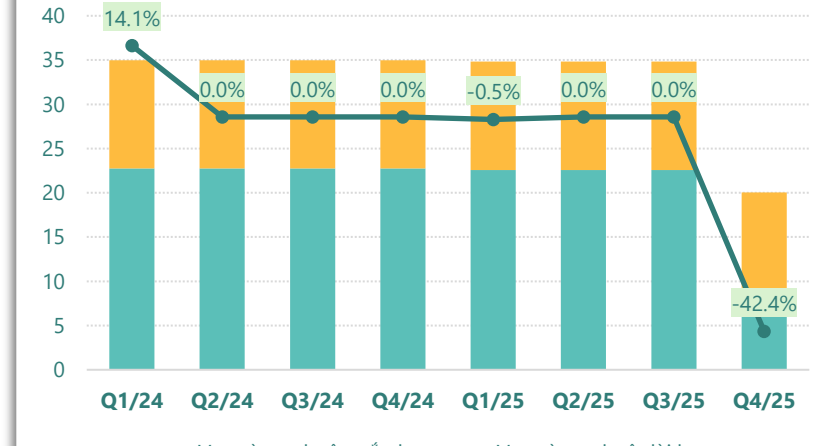


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

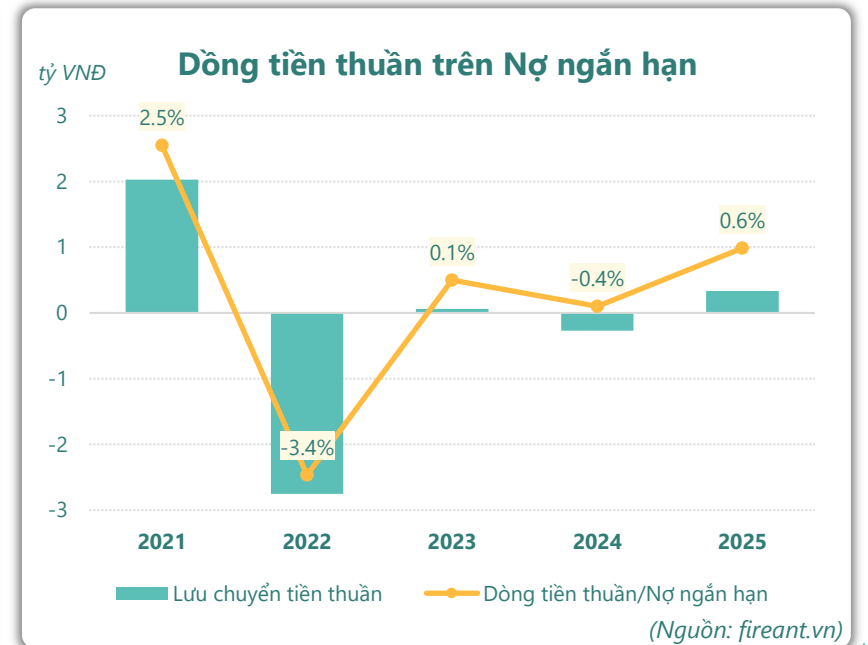
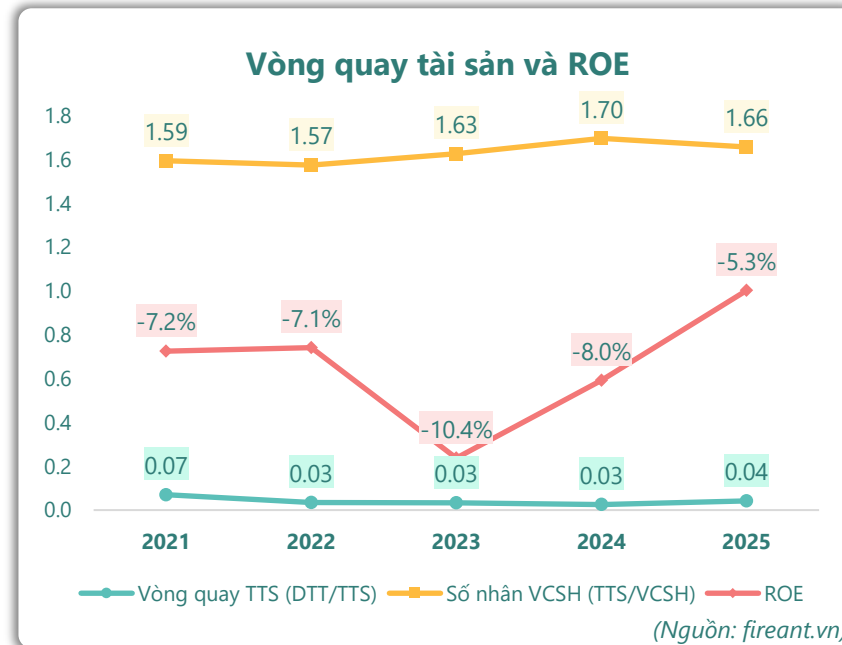
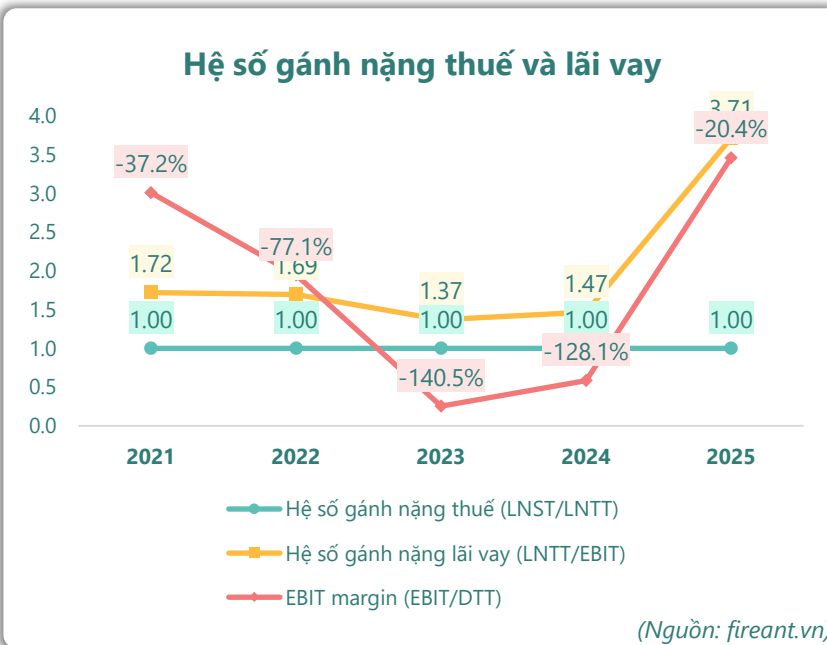
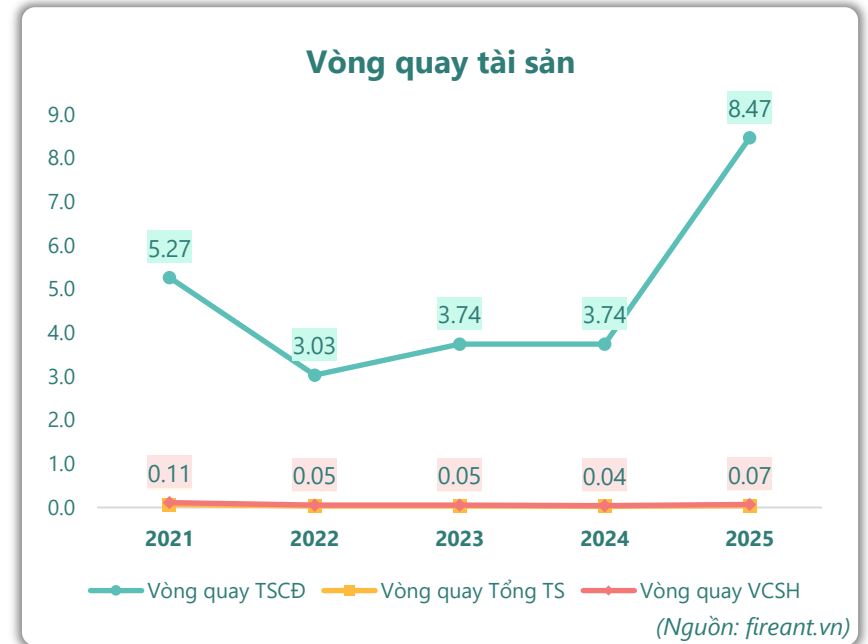
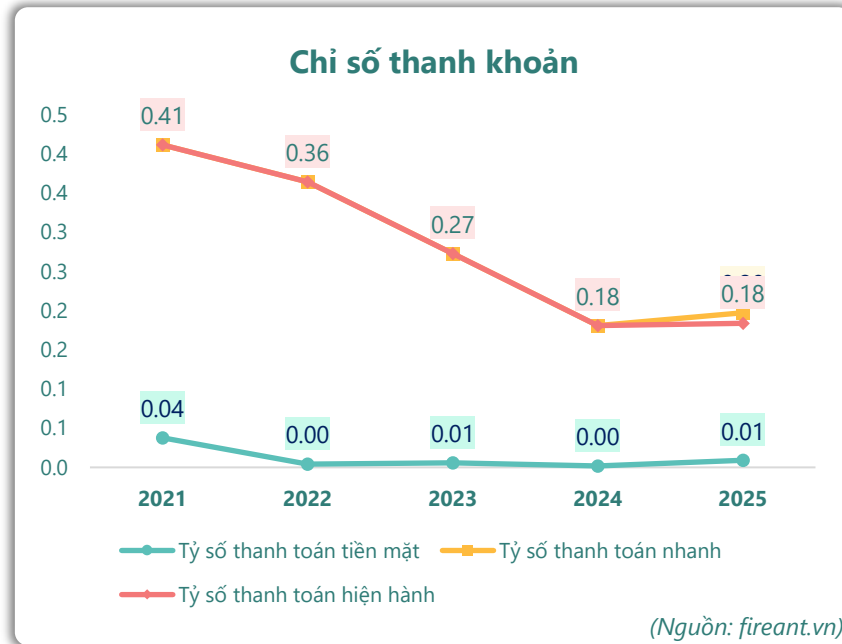
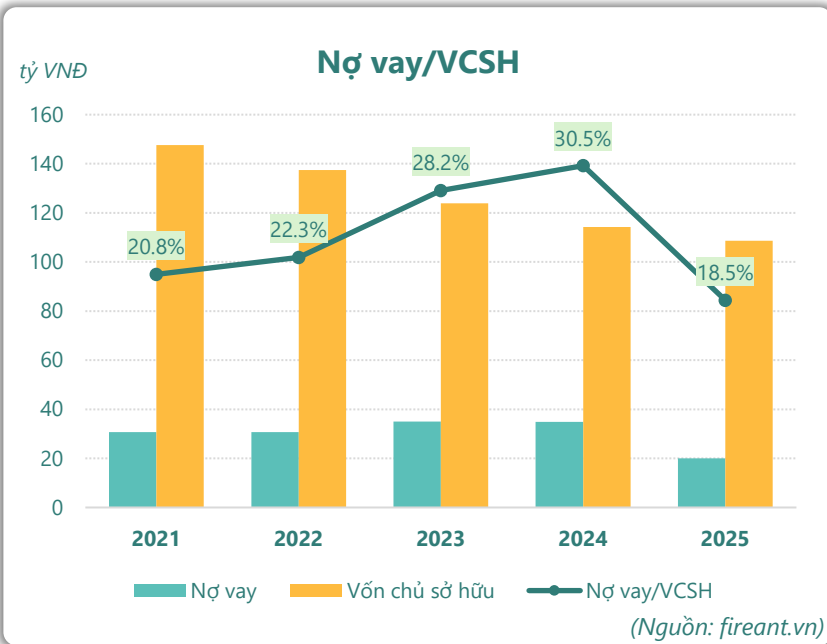


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1.95	1.39	40.0%	7.84	5.10	53.8%
Giá vốn hàng bán	1.12	1.06	5.5%	5.88	4.04	45.7%
Lợi nhuận gộp	0.83	0.33	151%	1.96	1.06	84.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-63.2%
Chi phí TC	1.65	0.22	648%	4.33	3.05	41.9%
Chi phí lãi vay	1.65	0.22	648%	4.33	3.05	41.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.05	1.09	-3.7%	4.86	7.30	-33.4%
LN thuần từ HĐKD	-1.87	-0.98	-90.7%	-7.23	-9.29	22.1%
Lợi nhuận khác	1.88	-0.20	1038%	1.31	-0.30	539%
LN trước thuế	0.01	-1.18	101%	-5.93	-9.58	38.2%
Lợi nhuận sau thuế	0.01	-1.18	101%	-5.93	-9.58	38.2%
LNST của CĐ cty mẹ	0.01	-1.18	101%	-5.93	-9.58	38.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.22	-0.18	0.19	-0.06	0.29	14.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	-14.8
Tiền đầu kỳ	0.55	0.33	0.13	0.31	0.25	0.54
Lưu chuyển tiền thuần	-0.22	-0.18	0.19	-0.06	0.29	-0.08
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.33	0.16	0.31	0.25	0.54	0.46

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	172	198	-13.3%
Tài sản ngắn hạn	9.50	12.9	-26.4%
Tiền và tương đương tiền	0.46	0.13	259%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.91	12.2	-27.1%
Hàng tồn kho	-0.68	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.81	0.56	43.8%
Tài sản dài hạn	162	185	-12.4%
Phải thu dài hạn	39.8	39.8	0.0%
Tài sản cố định	0.71	1.14	-37.2%
Bất động sản đầu tư	47.1	54.1	-12.8%
Tài sản dở dang	74.4	89.9	-17.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.00	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	63.0	83.6	-24.6%
Nợ ngắn hạn	51.7	71.4	-27.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8.71	22.6	-61.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.27	1.40	-9.5%
Nợ dài hạn	11.3	12.2	-7.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.3	12.2	-7.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	109	114	-5.0%
Vốn chủ sở hữu	109	114	-5.0%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

